

THÔNG BÁO

Tuyển sinh Cao học đợt 1 năm 2014 của Đại học Huế

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế thông báo tuyển sinh Cao học đợt 1 năm 2014 (thi vào tháng 4 năm 2014) như sau:

I. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH:

A. Tuyển sinh tại Đại học Huế (TP Huế):

Gồm 68 chuyên ngành vào các trường, khoa trực thuộc:

1. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

- 1.1. Lý luận văn học (mã số: 60220120),
- 1.2. Văn học Việt Nam (mã số: 60220121),
- 1.3. Ngôn ngữ học (mã số: 60220240),
- 1.4. Triết học (mã số: 60220301),
- 1.5. Lịch sử thế giới (mã số: 60220311),
- 1.6. Lịch sử Việt Nam (mã số: 60220313),
- 1.7. Dân tộc học (mã số: 60310310),
- 1.8. Động vật học (mã số: 60420103),
- 1.9. Sinh học thực nghiệm (mã số: 60420114),
- 1.10. Sinh thái học (mã số: 60420120),
- 1.11. Công nghệ sinh học (mã số: 60420201),
- 1.12. Vật lý chất rắn (mã số: 60440104),
- 1.13. Quang học (mã số: 60440109),
- 1.14. Hoá vô cơ (mã số: 60440113),
- 1.15. Hoá hữu cơ (mã số: 60440114),
- 1.16. Hoá phân tích (mã số: 60440118),
- 1.17. Hoá lý thuyết và hoá lý (mã số: 60440119),
- 1.18. Địa chất học (mã số: 60440201),
- 1.19. Địa lý tài nguyên và môi trường (mã số: 60440220),
- 1.20. Khoa học môi trường (mã số: 60440301),
- 1.21. Lý thuyết xác suất và thống kê toán học (mã số: 60460106),
- 1.22. Toán ứng dụng (mã số: 60460112),

- 1.23. Khoa học máy tính (mã số: 60480101),
- 1.24. Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số: 60850101).

2. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

- 2.1. Kinh tế chính trị (mã số: 60310102),
- 2.2. Quản trị kinh doanh (mã số: 60340102),
- 2.3. Quản lý kinh tế (mã số: 60340410),
- 2.4. Kinh tế nông nghiệp (mã số: 60620115).

3. TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

- 3.1. Kỹ thuật cơ khí (mã số: 60520103),
- 3.2. Chăn nuôi (mã số: 60620105),
- 3.3. Khoa học cây trồng (mã số: 60620110),
- 3.4. Bảo vệ thực vật (mã số: 60620112),
- 3.5. Phát triển nông thôn (mã số: 60620116),
- 3.6. Lâm học (mã số: 60620201),
- 3.7. Nuôi trồng thủy sản (mã số: 60620301),
- 3.8. Thú y (mã số: 60640101),
- 3.9. Quản lý đất đai (mã số: 60850103).

4. TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ (tuyển 100 học viên)

- 4.1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (mã số: 60140111),
- 4.2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp (mã số: 60140111),
- 4.3. Ngôn ngữ Pháp (mã số: 60220203),
- 4.4. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu (mã số: 60220241).

5. TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

- 5.1. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) (mã số: 60140101),
- 5.2. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - tiếng Việt (mã số: 60140111),
- 5.3. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (mã số: 60140111),
- 5.4. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lý (mã số: 60140111),
- 5.5. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán học (mã số: 60140111),
- 5.6. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 60140111),
- 5.7. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hoá học (mã số: 60140111),
- 5.8. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 60140111),
- 5.9. Quản lý giáo dục (mã số: 60140114),
- 5.10. Lý luận văn học (mã số: 60220120),
- 5.11. Văn học Việt Nam (mã số: 6220121),
- 5.12. Lịch sử thế giới (mã số: 60220311),
- 5.13. Lịch sử Việt Nam (mã số: 60220313),

- 5.14. Tâm lý học (mã số: 60310401),
- 5.15. Địa lý học (mã số: 60310501),
- 5.16. Động vật học (mã số: 60420103),
- 5.17. Thực vật học (mã số: 60420111),
- 5.18. Vật lý lý thuyết và vật lý toán (mã số: 60440103),
- 5.19. Hoá vô cơ (mã số: 60440113),
- 5.20. Hoá hữu cơ (mã số: 60440114),
- 5.21. Hoá phân tích (mã số: 60440118),
- 5.22. Địa lý tự nhiên (mã số: 60440217),
- 5.23. Toán giải tích (mã số: 60460102),
- 5.24. Đại số và lý thuyết số (mã số: 60460104),
- 5.25. Hình học và tô pô (mã số: 60460105).

6. TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

- 6.1. Y học chức năng (mã số: 60720106),
- 6.2. Ngoại khoa (mã số: 60720123),
- 6.3. Sản phụ khoa (mã số: 60720131),
- 6.4. Nhi khoa (mã số: 60720135),
- 6.5. Nội khoa (mã số: 60720140),
- 6.6. Huyết học và truyền máu (mã số: 60720151),
- 6.7. Tai Mũi Họng (mã số: 60720155),
- 6.8. Chẩn đoán hình ảnh (mã số: 60720166),
- 6.9. Y tế công cộng (mã số: 60720301).

7. KHOA LUẬT (tuyển 40 học viên)

- 7.1. Luật kinh tế (mã số: 60380107).

B. Tuyển sinh tại địa phương:

Thí sinh dự thi một số chuyên ngành có thể chọn địa điểm dự thi tại Trường Đại học Hồng Đức (TP Thanh Hoá), Trường Đại học Đà Lạt (TP Đà Lạt), Trường Đại học An Giang (TP Long Xuyên). Đại học Huế sẽ chuyển thí sinh đăng ký dự thi tại một địa điểm địa phương về thi tại Huế nếu tại địa điểm thi đó có số lượng thí sinh đăng ký dự thi thấp.

1. Tuyển sinh tại Trường Đại học Hồng Đức:

- 1.1. Quản trị kinh doanh (mã số: 60340102) vào Trường ĐH Kinh tế.

2. Tuyển sinh tại Trường Đại học Đà Lạt: (tuyển 60 học viên)

- 2.1. Lâm nghiệp (mã số: 60620201) vào Trường ĐH Nông Lâm.

3. Tuyển sinh tại Trường Đại học An Giang:

- 3.1. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - tiếng Việt (mã số: 60140101) vào Trường ĐH Sư phạm,
- 3.2. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán học (mã số: 60140101) vào Trường ĐH Sư phạm,

3.3. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 60140101) vào Trường ĐH Sư phạm,

3.4. Khoa học máy tính (mã số: 60480101) vào Trường ĐH Khoa học.

II. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:

Hình thức đào tạo trình độ thạc sĩ theo học chế tín chỉ.

III. ĐIỀU KIỆN DỰ THI:

1. Về văn bằng: người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện sau đây (trừ các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ nêu ở mục 5 dưới đây):

a). Có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi;

b). Có bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức đào tạo giáo dục chính quy hoặc có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên theo hình thức đào tạo giáo dục thường xuyên thuộc ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi, đã học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng. Nội dung, khối lượng (số tiết) các môn học bổ sung căn cứ vào quy định về tuyển sinh cao học của Đại học Huế.

2. Về thâm niên công tác chuyên môn (trừ chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý giáo dục và Quản lý tài nguyên và môi trường nêu ở mục 5 dưới đây):

a). Người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

b). Những trường hợp còn lại phải có ít nhất một năm thâm niên công tác kể từ ngày làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

3. Có đủ sức khoẻ để học tập.

4. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.

5. Điều kiện về văn bằng, thâm niên công tác chuyên môn và đối tượng dự thi đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành Quản lý giáo dục, Giáo dục học, Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Anh, Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Quản lý tài nguyên và môi trường, Chẩn đoán hình ảnh:

5.1. Quản lý giáo dục:

- Về văn bằng: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục nếu có bằng tốt nghiệp đại học không phải ngành đúng với ngành đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng.

- Về thâm niên công tác chuyên môn: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có ít nhất một năm thâm niên công tác trong lĩnh vực liên quan.

- Về đối tượng dự thi: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục phải làm việc tại một trong các vị trí công tác sau đây: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường từ mầm non trở lên; trưởng khoa, phó trưởng khoa các trường Cao đẳng và Đại học; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Sở/Phòng giáo dục và đào tạo, Phòng/Ban Đào tạo - Giáo vụ của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp.

5.2. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học):

- Về văn bằng: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học phải có bằng tốt nghiệp đại học ngành Giáo dục Tiểu học.

5.3. Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Anh, Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp:

- Về văn bằng: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Anh, Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp phải có bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức đào tạo giáo dục chính quy đúng với chuyên ngành dự thi. Nếu người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức đào tạo giáo dục thường xuyên ngành đúng hoặc gần với ngành đăng ký dự thi thì phải có bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức đào tạo giáo dục chính quy thuộc ngành ngoại ngữ khác.

Người dự thi phải học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng trong trường hợp: tốt nghiệp đại học theo hình thức đào tạo giáo dục thường xuyên ngành gần với ngành đăng ký dự thi hoặc tốt nghiệp đại học theo hình thức đào tạo giáo dục chính quy song ngữ hay song ngành.

5.4. Quản lý tài nguyên và môi trường:

Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường cần thoả mãn một trong các điều kiện về văn bằng sau đây:

a). Có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi. Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học, trường hợp còn lại phải có ít nhất một năm thâm niên công tác chuyên môn tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

b). Có bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức đào tạo giáo dục chính quy hoặc có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên theo hình thức đào tạo giáo dục thường xuyên thuộc các khối ngành Xã hội học, Công tác xã hội, Luật học, Lịch sử, Sinh học, Môi trường, Địa lý, Địa chất, Hoá học, Nông học, Chăn nuôi, Thủy sản, Khuyến nông và phát triển nông thôn, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, Lâm nghiệp, Chế biến lâm sản, Quản lý đất đai, Sinh - kỹ thuật nông nghiệp và phải có ít nhất một năm thâm niên công tác chuyên môn tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

c). Có bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức đào tạo giáo dục chính quy hoặc có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên theo hình thức đào tạo giáo dục thường xuyên không thuộc các khối ngành nêu trên (ở mục a và b) phải đang làm việc trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường hoặc đang tham gia thực hiện các chương trình, dự án về quản lý tài nguyên và môi trường, phát triển bền vững vùng duyên hải của nhà nước Việt Nam hay do các cơ quan, tổ chức nước ngoài tài trợ và phải có ít nhất hai năm thâm niên công tác chuyên môn tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường nếu có bằng tốt nghiệp đại học không phải ngành đúng với ngành đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng.

5.5. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu:

Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu cần thoả mãn một trong các điều kiện về văn bằng sau đây:

a). Có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi gồm một trong các ngành: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Trung, Ngôn ngữ Nhật Bản, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Thái, Ngôn ngữ Lào, Việt Nam học (chuyên ngành Ngôn ngữ - Văn hoá và du lịch), Ngôn ngữ Việt Nam (đã có bằng đại học thứ 2 là đại học ngoại ngữ);

b). Có bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức đào tạo giáo dục chính quy hoặc có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên theo hình thức đào tạo giáo dục thường xuyên thuộc ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi gồm một trong các ngành: Sư phạm tiếng Anh, Sư phạm tiếng Pháp, Sư phạm tiếng Nga, Sư phạm tiếng Trung, Sư phạm tiếng Nhật, Quốc tế học, Khu vực Thái Bình Dương học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học,

Hàn Quốc học và đã học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng. Nội dung, khối lượng (số tiết) các môn học bổ sung căn cứ vào quy định về tuyển sinh cao học của Đại học Huế.

5.6. **Chẩn đoán hình ảnh:**

- Về văn bằng: Người dự thi đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh phải có bằng tốt nghiệp bác sĩ đúng ngành hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH:

1. **Đối tượng:**

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- a). Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo;
- b). Thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;
- c). Con liệt sĩ;
- d). Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;
- đ). Người dân tộc thiểu số ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- e). Con nạn nhân chất độc màu da cam.

2. **Chính sách:**

- a). Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm vào kết quả thi (thang điểm 10) cho môn cơ bản;
- b). Người dự thi thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

V. CÁC MÔN DỰ THI:

Thí sinh phải dự thi 03 môn: Môn cơ bản, môn cơ sở, môn ngoại ngữ

Môn ngoại ngữ thi một trong các môn: **Tiếng Anh B, Tiếng Pháp B**. Riêng thí sinh dự thi đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành **Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Anh, Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu** phải thi môn ngoại ngữ thứ hai (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp) không trùng với thứ tiếng của bằng đại học chính.

VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI:

1. Đơn xin dự thi theo mẫu của cơ sở giáo dục đại học, trong đó cần ghi rõ chuyên ngành, đối tượng dự thi (cán bộ công chức, doanh nhân, tự do...), nghề nghiệp và nơi làm việc, cam kết thực hiện quy chế sau khi trúng tuyển.
2. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học nếu văn bằng không ghi loại tốt nghiệp.
3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (đối với người chưa có việc làm).
4. Công văn giới thiệu đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước.
5. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa.
6. Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng để chứng nhận thời gian thâm niên công tác chuyên môn.

7. Các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có) được xác nhận của cấp: cơ quan trực thuộc Bộ, Sở, UBND huyện hoặc tương đương.

8. Các giấy tờ hồ sơ khác theo quy định của cơ sở giáo dục đại học + 4 ảnh (3x4).

Tất cả các giấy tờ trên được đựng trong túi hồ sơ (cỡ 32 x 26 cm) có đề rõ họ tên và địa chỉ, số điện thoại liên hệ ở ngoài.

VII. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

1. Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày thông báo tuyển sinh đến hết ngày **01/3/2014**

2. Thời gian thi tuyển: ngày **05** và **06** tháng **4** năm 2014

3. Địa điểm phát mẫu hồ sơ và thu nhận hồ sơ dự thi:

Thí sinh dự thi liên hệ, gửi hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đăng ký dự thi cho các trường, khoa trực thuộc Đại học Huế theo địa chỉ:

3.1. *Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Khoa học; 77 Nguyễn Huệ, Tp Huế;ĐT: 054.3837380.*

3.2. *Phòng Khoa học Công nghệ - Hợp tác quốc tế - Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Kinh tế; 100 Phùng Hưng, Tp Huế;ĐT: 054.3516450.*

3.3. *Phòng Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ; 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Tp Huế;ĐT: 054.3830678.*

3.4. *Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Nông Lâm; 102 Phùng Hưng, Tp Huế;ĐT: 054.3537757.*

3.5. *Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Sư phạm; 32 Lê Lợi, Tp Huế;ĐT: 054.3824234, 054.3837306.*

3.6. *Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Y Dược; 06 Ngô Quyền, Tp Huế;ĐT: 054.3822653-1072.*

3.7. *Phòng Khoa học Công nghệ - Hợp tác quốc tế - Đào tạo Sau đại học Khoa Luật; Khu Quy hoạch Trường Bia, Phường An Tây, Tp Huế;ĐT: 0543935665.*

VIII. LỆ PHÍ TUYỂN SINH:

1. Lệ phí xử lý hồ sơ: 60.000đ /hồ sơ đăng ký dự thi (nộp tại trường, khoa trực thuộc Đại học Huế khi đăng ký dự thi)

2. Lệ phí thi: 450.000đ /thí sinh (Ban Kế hoạch - Tài chính Đại học Huế sẽ thu vào buổi tập trung trước khi thi)

Mọi chi tiết xin liên hệ với các địa chỉ nêu trên hoặc **Ban Đào tạo Sau đại học - Đại học Huế:**

ĐC: 04 Lê Lợi (tầng 3) - TP Huế;ĐT: 054.3833578; Fax: 0543825902

E-mail: bansdh@hueuni.edu.vn

Nơi nhận:

- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Các Trường, Khoa có liên quan (để thông báo);
- Các Ban: QTCSVC, KHTC, TT-PC;
- Lưu: VT, SĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đã ký

Lê Văn Anh

**DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH CAO HỌC VÀ CÁC MÔN THI
TRONG KỲ THI TUYỂN SINH ĐỢT 1 NĂM 2014 (NGÀY 05 & 06/4/2014) CỦA ĐẠI HỌC HUẾ**

STT	CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH	CÁC MÔN THI TUYỂN SINH		
		Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ
1	Giáo dục học	Triết học	Phương pháp dạy học Toán và Phương pháp dạy học Tiếng Việt	Anh hoặc Pháp
2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - tiếng Việt	Triết học	Lý luận văn học	Anh hoặc Pháp
3	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử	Triết học	Lịch sử Việt Nam	Anh hoặc Pháp
4	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý	Toán cao cấp III	Địa lý đại cương	Anh hoặc Pháp
5	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	Triết học	Thực hành tiếng Anh	Ngoại ngữ 2
6	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp	Triết học	Thực hành tiếng Pháp	Ngoại ngữ 2
7	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học	Giải tích	Đại số	Anh hoặc Pháp
8	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	Toán cho vật lý	Vật lý lý thuyết	Anh hoặc Pháp
9	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hoá học	Toán cao cấp II	Cơ sở lý thuyết hóa học và cấu tạo chất	Anh hoặc Pháp
10	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học	Toán cao cấp thống kê	Sinh học cơ sở	Anh hoặc Pháp
11	Quản lý giáo dục	Logic học	Giáo dục học	Anh hoặc Pháp
12	Lý luận văn học	Triết học	Lý luận văn học	Anh hoặc Pháp
13	Văn học Việt Nam	Triết học	Lý luận văn học	Anh hoặc Pháp
14	Ngôn ngữ Pháp	Triết học	Thực hành tiếng Pháp	Ngoại ngữ 2
15	Ngôn ngữ học	Triết học	Ngôn ngữ học đại cương	Anh hoặc Pháp
16	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	Triết học	Ngôn ngữ học đối chiếu	Ngoại ngữ 2
17	Triết học	Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử	Lịch sử triết học	Anh hoặc Pháp
18	Lịch sử thế giới	Triết học	Lịch sử Việt Nam	Anh hoặc Pháp
19	Lịch sử Việt Nam	Triết học	Lịch sử Việt Nam	Anh hoặc Pháp
20	Kinh tế chính trị	Triết học	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Anh hoặc Pháp
21	Dân tộc học	Triết học	Lịch sử Việt Nam	Anh hoặc Pháp
22	Tâm lý học	Triết học	Tâm lý học đại cương	Anh hoặc Pháp
23	Địa lý học	Toán cao cấp III	Địa lý đại cương	Anh hoặc Pháp
24	Quản trị kinh doanh	Toán kinh tế I	Kinh tế học	Anh hoặc Pháp
25	Quản lý kinh tế	Toán kinh tế II	Kinh tế học	Anh hoặc Pháp
26	Luật kinh tế	Triết học	Luật kinh tế	Anh hoặc Pháp
27	Động vật học	Toán cao cấp thống kê	Sinh học cơ sở	Anh hoặc Pháp
28	Thực vật học	Toán cao cấp thống kê	Sinh học cơ sở	Anh hoặc Pháp
29	Sinh học thực nghiệm	Toán cao cấp thống kê	Sinh học cơ sở	Anh hoặc Pháp
30	Sinh thái học	Toán cao cấp thống kê	Sinh học cơ sở	Anh hoặc Pháp
31	Công nghệ sinh học	Toán cao cấp thống kê	Nhập môn công nghệ sinh học	Anh hoặc Pháp
32	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Toán cho vật lý	Vật lý lý thuyết	Anh hoặc Pháp
33	Vật lý chất rắn	Toán cho vật lý	Vật lý lý thuyết	Anh hoặc Pháp
34	Quang học	Toán cho vật lý	Vật lý lý thuyết	Anh hoặc Pháp
35	Hoá vô cơ	Toán cao cấp II	Cơ sở lý thuyết hóa học và cấu tạo chất	Anh hoặc Pháp
36	Hoá hữu cơ	Toán cao cấp II	Cơ sở lý thuyết hóa học và cấu tạo chất	Anh hoặc Pháp
37	Hoá phân tích	Toán cao cấp II	Cơ sở lý thuyết hóa học và cấu tạo chất	Anh hoặc Pháp
38	Hoá lý thuyết và hoá lý	Toán cao cấp II	Cơ sở lý thuyết hóa học và cấu tạo chất	Anh hoặc Pháp
39	Địa chất học	Toán cao cấp III	Địa chất đại cương	Anh hoặc Pháp
40	Địa lý tự nhiên	Toán cao cấp III	Địa lý đại cương	Anh hoặc Pháp

STT	CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH	CÁC MÔN THI TUYỂN SINH		
		Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ
41	Địa lý tài nguyên và môi trường	Toán cao cấp III	Địa lý đại cương	Anh hoặc Pháp
42	Khoa học môi trường	Toán cao cấp III	Khoa học môi trường	Anh hoặc Pháp
43	Toán giải tích	Giải tích	Đại số	Anh hoặc Pháp
44	Đại số và lý thuyết số	Giải tích	Đại số	Anh hoặc Pháp
45	Hình học và tôpô	Giải tích	Đại số	Anh hoặc Pháp
46	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Giải tích	Đại số	Anh hoặc Pháp
47	Toán ứng dụng	Giải tích	Đại số	Anh hoặc Pháp
48	Khoa học máy tính	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình	Anh hoặc Pháp
49	Kỹ thuật cơ khí	Toán cao cấp I	Sức bền vật liệu	Anh hoặc Pháp
50	Chăn nuôi	Toán cao cấp thống kê	Sinh lý gia súc	Anh hoặc Pháp
51	Khoa học cây trồng	Toán cao cấp thống kê	Sinh lý học thực vật	Anh hoặc Pháp
52	Bảo vệ thực vật	Toán cao cấp thống kê	Bảo vệ thực vật đại cương	Anh hoặc Pháp
53	Kinh tế nông nghiệp	Toán kinh tế I	Kinh tế học	Anh hoặc Pháp
54	Phát triển nông thôn	Toán cao cấp thống kê	Hệ thống nông nghiệp	Anh hoặc Pháp
55	Lâm học	Toán cao cấp thống kê	Sinh thái và lâm sinh	Anh hoặc Pháp
56	Nuôi trồng thủy sản	Toán cao cấp thống kê	Sinh lý động vật và sinh thái thủy sinh	Anh hoặc Pháp
57	Thú y	Toán cao cấp thống kê	Sinh lý gia súc	Anh hoặc Pháp
58	Y học chức năng	Toán cao cấp thống kê	Sinh lý học	Anh hoặc Pháp
59	Ngoại khoa	Toán cao cấp thống kê	Giải phẫu	Anh hoặc Pháp
60	Sản phụ khoa	Toán cao cấp thống kê	Giải phẫu	Anh hoặc Pháp
61	Nhi khoa	Toán cao cấp thống kê	Sinh lý học	Anh hoặc Pháp
62	Nội khoa	Toán cao cấp thống kê	Sinh lý học	Anh hoặc Pháp
63	Huyết học và truyền máu	Toán cao cấp thống kê	Sinh lý học	Anh hoặc Pháp
64	Tai Mũi Họng	Toán cao cấp thống kê	Giải phẫu	Anh hoặc Pháp
65	Chẩn đoán hình ảnh	Toán cao cấp thống kê	Giải phẫu	Anh hoặc Pháp
66	Y tế công cộng	Toán cao cấp thống kê	Vi sinh	Anh hoặc Pháp
67	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xã hội học đại cương	Khoa học môi trường	Anh hoặc Pháp
68	Quản lý đất đai	Toán cao cấp thống kê	Trắc địa	Anh hoặc Pháp